



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# **CÔNG BÁO**

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 129 + 130

Ngày 01 tháng 12 năm 2021

## **MỤC LỤC**

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

04-11-2021-	Quyết định số 3760/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.	2
08-11-2021-	Quyết định số 3812/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt, Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	16
08-11-2021-	Quyết định số 3813/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường.	43
08-11-2021-	Quyết định số 3814/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	57

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3760/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử  
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;*

*Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban*

*nhân dân Thành phố về cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 47/TTr-STTTT ngày 22 tháng 6 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc qua mạng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; thành phố Thủ Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Về quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3760/QĐ-UBND  
ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

#### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy chế này quy định quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử (trừ những loại văn bản mật theo quy định).

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước của Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là cơ quan, tổ chức) và các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (gọi tắt là cá nhân) thuộc các cơ quan, tổ chức này khi quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

##### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Hệ thống quản lý tài liệu điện tử): là Hệ thống thông tin được xây dựng để thực hiện việc tin học hóa công tác quản lý, điều hành tác nghiệp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan, tổ chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Hệ thống này bao gồm Hệ thống quản lý văn bản, và hồ sơ công việc tại các cơ quan, tổ chức và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là HCM LGSP).

2. Hồ sơ: là tập hợp các văn bản, tài liệu có liên quan với nhau về một vấn đề, một sự việc, một đối tượng cụ thể hoặc có đặc điểm chung, hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, tổ chức hoặc của cá nhân.

3. Văn bản đi: là tất cả các loại văn bản do cơ quan, tổ chức ban hành.

4. Văn bản đến: là tất cả các loại văn bản do cơ quan, tổ chức nhận được từ cơ quan, tổ chức khác gửi đến.

5. Văn bản điện tử: là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định.

6. Bản gốc văn bản: là bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản, được người có thẩm quyền trực tiếp ký trên văn bản giấy hoặc ký số trên văn bản điện tử.

7. Bản chính văn bản giấy: là bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản, được tạo từ bản có chữ ký trực tiếp của người có thẩm quyền.

### **Điều 3. Mục đích quy định quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử**

1. Bảo đảm giá trị pháp lý, tính toàn vẹn và an toàn thông tin của văn bản điện tử khi được trao đổi trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

2. Thống nhất quy trình, phương thức trao đổi văn bản điện tử Hệ thống quản lý tài liệu điện tử theo đúng quy định của pháp luật hành chính.

3. Tạo điều kiện tiết giảm chi phí thường xuyên gửi, nhận, xử lý và lưu trữ các văn bản, tài liệu dạng bản giấy trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

4. Thúc đẩy tính minh bạch, công khai và khả năng tiếp cận thông tin quản lý nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính và phát triển chính quyền điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 4. Giá trị pháp lý của văn bản điện tử**

1. Văn bản điện tử được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy.

2. Bản sao y từ văn bản giấy sang văn bản điện tử được thực hiện bằng việc số hóa văn bản giấy và ký số của cơ quan, tổ chức có giá trị pháp lý như bản chính.

3. Chữ ký số trên văn bản điện tử phải đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật.

4. Văn bản điện tử không thuộc khoản 1, 2 Điều này được gửi, nhận qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử có giá trị để biết, tham khảo, không thay thế cho việc gửi, nhận văn bản giấy.

### **Điều 5. Nguyên tắc thực hiện**

1. Đơn vị sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử đề trao đổi văn bản điện tử trong nội bộ đơn vị và giữa các cơ quan, tổ chức với nhau.

2. Tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư và Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

3. Trong quá trình gửi, nhận văn bản điện tử qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn thông tin theo quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

4. Ý kiến chỉ đạo, điều hành tại văn bản hợp lệ theo quy định tại Điều 6 Quy chế này được trao đổi trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử có giá trị tương đương với ý kiến được ghi trên văn bản giấy.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ**

**Điều 6. Tính hợp lệ của văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử**

1. Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản điện tử thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư; định dạng văn bản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Văn bản điện tử khi chuyển qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử phải có chữ

ký số theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

### **Điều 7. Các loại văn bản điện tử không kèm văn bản giấy**

Thực hiện theo quy định tại Công văn số 775/VPCP-KSTT ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc danh mục văn bản điện tử không gửi kèm văn bản giấy và Công văn số 949/UBND-HCTC ngày 19 tháng 03 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức thực hiện Công văn số 775/VPCP-KSTT về danh mục văn bản điện tử không gửi kèm bản giấy.

### **Điều 8. Nội dung và yêu cầu thông tin của văn bản điện tử**

1. Nội dung của văn bản điện tử được gửi, nhận trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của các cơ quan, tổ chức được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP và Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg.

2. Cơ quan, tổ chức khi phát hành văn bản điện tử phải sử dụng mã định danh (theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố) khi tham gia gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

### **Điều 9. Chữ ký số trong Hệ thống quản lý tài liệu điện tử**

Văn bản điện tử luân chuyển trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử phải được tích hợp chữ ký số theo quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số

### **Điều 10. Tiếp nhận, xử lý văn bản đến**

#### **1. Tiếp nhận văn bản đến**

a) Văn thư cơ quan, tổ chức phải kiểm tra tính xác thực và toàn vẹn của văn bản điện tử và thực hiện tiếp nhận trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

b) Trường hợp văn bản điện tử không đáp ứng các quy định tại điểm a khoản này hoặc gửi sai nơi nhận thì cơ quan, tổ chức nhận văn bản phải trả lại cho cơ quan, tổ chức gửi văn bản trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử. Trường hợp phát hiện có sai sót hoặc dấu hiệu bất thường thì Văn thư cơ quan, tổ chức báo ngay người có trách nhiệm giải quyết và thông báo cho nơi gửi văn bản.

c) Cơ quan, tổ chức nhận văn bản có trách nhiệm thông báo ngay trong ngày cho cơ quan, tổ chức gửi về việc đã nhận văn bản bằng chức năng của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

d) Đối với văn bản điện tử, trường hợp nhận được văn bản thông báo thu hồi,

bên nhận hủy bỏ văn bản điện tử bị thu hồi trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử, đồng thời thông báo việc đã xử lý văn bản điện tử được thu hồi thông qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử để bên gửi biết.

## **2. Đăng ký văn bản điện tử đến**

Văn thư cơ quan, tổ chức tiếp nhận văn bản và đăng ký vào Hệ thống quản lý tài liệu điện tử. Trường hợp cần thiết, Văn thư cơ quan, đơn vị thực hiện số hóa văn bản đến theo quy định tại Phụ lục I Nghị định số 30/2020/NĐ-CP. Văn thư cơ quan cập nhật vào Hệ thống các trường thông tin đầu vào của dữ liệu quản lý văn bản đến theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 30/2020/NĐ-CP. Văn bản đến được đăng ký vào Hệ thống quản lý tài liệu điện tử phải được in ra giấy đầy đủ các trường thông tin theo mẫu Sổ đăng ký văn bản đến, ký nhận và đóng sổ để quản lý.

## **3. Trình, chuyển giao văn bản điện tử trên Hệ thống**

Người có thẩm quyền ghi ý kiến chỉ đạo giải quyết văn bản đến trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử và cập nhật vào Hệ thống các thông tin: Đơn vị hoặc người nhận; ý kiến chỉ đạo, trạng thái xử lý văn bản; thời hạn giải quyết; chuyển văn bản cho đơn vị hoặc cá nhân được giao giải quyết. Trường hợp văn bản điện tử gửi kèm văn bản giấy thì Văn thư cơ quan, đơn vị thực hiện trình văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử và chuyển văn bản giấy đến đơn vị hoặc cá nhân được người có thẩm quyền giao chủ trì giải quyết.

## **4. Giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết văn bản đến**

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chỉ đạo giải quyết kịp thời văn bản đến và giao người có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc giải quyết văn bản đến.

b) Khi nhận được văn bản đến, đơn vị hoặc cá nhân có trách nhiệm nghiên cứu, giải quyết văn bản đến theo thời hạn quy định tại quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức. Những văn bản đến có dấu chỉ các mức độ khẩn phải được giải quyết ngay.

## **Điều 11. Xử lý, ban hành và phát hành văn bản đi**

### **1. Soạn thảo, kiểm tra nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản**

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mục đích, nội dung của văn bản cần soạn thảo, người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền giao cho đơn vị hoặc cá nhân chủ trì soạn thảo văn bản.

b) Đơn vị hoặc cá nhân được giao chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện các công việc: Xác định tên loại, nội dung, mức độ khẩn của văn bản cần soạn thảo; thu thập,



xử lý thông tin có liên quan; soạn thảo văn bản đúng hình thức, thể thức và kỹ thuật trình bày; chuyển bản thảo văn bản, tài liệu kèm theo (nếu có) vào Hệ thống quản lý tài liệu điện tử và cập nhật các thông tin cần thiết.

c) Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung bản thảo văn bản, người có thẩm quyền cho ý kiến vào bản thảo văn bản hoặc trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử, chuyển lại bản thảo văn bản đến lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản để chuyển cho cá nhân được giao nhiệm vụ soạn thảo văn bản.

d) Cá nhân được giao nhiệm vụ soạn thảo văn bản chịu trách nhiệm trước người đứng đầu đơn vị và trước pháp luật về bản thảo văn bản trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao.

## **2. Đăng ký văn bản đi**

a) Việc đăng ký văn bản bảo đảm đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết của văn bản đi.

b) Việc cấp số, thời gian ban hành văn bản được thực hiện bằng chức năng của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

c) Văn bản được đăng ký bằng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử phải được in ra giấy đầy đủ các trường thông tin theo mẫu Sổ đăng ký văn bản đi, đóng số để quản lý.

## **3. Phát hành và theo dõi việc chuyển phát văn bản đi**

a) Văn bản điện tử sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ký ban hành, ký số theo đúng quy định pháp luật được phát hành đến Bên nhận thông qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

b) Văn bản đã phát hành nhưng có sai sót về nội dung phải được sửa đổi, thay thế bằng văn bản có hình thức tương đương. Văn bản đã phát hành nhưng có sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày, thủ tục ban hành phải được đính chính bằng công văn của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản

c) Phát hành văn bản giấy từ văn bản được ký số của người có thẩm quyền: Văn thư cơ quan thực hiện in văn bản đã được ký số của người có thẩm quyền ra giấy, đóng dấu của cơ quan, tổ chức để tạo bản chính văn bản giấy và phát hành văn bản.

d) Trường hợp cần phát hành văn bản điện tử từ văn bản giấy: Văn thư cơ quan thực hiện sao y từ văn bản giấy sang văn bản điện tử được thực hiện bằng việc số hóa văn bản giấy và ký số của cơ quan, tổ chức.

e) Bên gửi có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, bảo đảm văn bản điện tử được gửi đến đúng Bên nhận. Trường hợp thu hồi văn bản điện tử, Bên gửi phải thông báo trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử cho Bên nhận biết để xử lý văn bản điện tử được thu hồi.

#### **4. Lưu văn bản điện tử**

a) Bản gốc văn bản điện tử phải được lưu trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.

b) Cơ quan, tổ chức có Hệ thống quản lý tài liệu điện tử đáp ứng theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 30/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan thì sử dụng và lưu bản gốc văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử thay cho văn bản giấy.

c) Cơ quan, tổ chức có Hệ thống chưa đáp ứng theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 30/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan thì Văn thư cơ quan tạo bản chính văn bản giấy theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP để lưu tại Văn thư cơ quan và hồ sơ công việc.

#### **5. Chữ ký số của người có thẩm quyền, dấu, chữ ký số của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản điện tử**

##### **a) Chữ ký số của người có thẩm quyền**

Hình ảnh, vị trí chữ ký số của người có thẩm quyền là hình ảnh chữ ký của người có thẩm quyền trên văn bản giấy, màu xanh, định dạng ảnh đồ họa mạng di động (Portable Network Graphics - .png) nền trong suốt; đặt canh giữa chức vụ của người ký và họ tên người ký.

##### **b) Dấu, chữ ký số của cơ quan, tổ chức**

- Hình ảnh, vị trí chữ ký số của cơ quan, tổ chức là hình ảnh dấu của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản trên văn bản, màu đỏ, kích thước bằng kích thước thực tế của dấu, định dạng (.png) nền trong suốt, trùm lên khoảng 1/3 hình ảnh chữ ký số của người có thẩm quyền về bên trái.

- Chữ ký số của cơ quan, tổ chức trên văn bản kèm theo văn bản chính được thể hiện như sau: văn bản kèm theo cùng tệp tin với nội dung văn bản điện tử, văn thư cơ quan chỉ thực hiện ký số văn bản và không thực hiện ký số lên văn bản kèm theo; văn bản không cùng tệp tin với nội dung văn bản điện tử, văn thư cơ quan thực hiện ký số của cơ quan, tổ chức trên văn bản kèm theo.

+ Vị trí: Góc trên, bên phải, trang đầu của văn bản kèm theo.

+ Hình ảnh chữ ký số của cơ quan, tổ chức: Không hiển thị.

+ Thông tin: Số và ký hiệu văn bản; thời gian ký (ngày tháng năm; giờ phút giây; múi giờ Việt Nam theo tiêu chuẩn ISO 8601) được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, chữ in thường, kiểu chữ đứng, cỡ chữ 10, màu đen.

- Dấu, chữ ký số của cơ quan, tổ chức được trình bày tại ô số 8 Mục IV Phần I Phụ lục I Nghị định số 30/2020/NĐ-CP

### **Điều 12. Cá nhân sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử**

1. Mỗi cá nhân được cấp một tài khoản (account) để truy cập vào Hệ thống quản lý tài liệu điện tử, được cấp tài liệu và hướng dẫn sử dụng hệ thống nhằm phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

2. Khi chuyển công tác đến cơ quan, tổ chức mới hoặc tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ mới tại cơ quan, tổ chức, cá nhân phải liên hệ với bộ phận phụ trách quản lý Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại đơn vị để đăng ký tài khoản người dùng, cấp quyền truy cập vào hệ thống và được đào tạo, hướng dẫn sử dụng các chức năng của hệ thống.

3. Phải thường xuyên sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử để kịp thời tiếp nhận và xử lý các văn bản, công việc được phân công theo đúng trách nhiệm và quyền hạn được phân công và đúng quy trình được cơ quan, tổ chức quy định.

4. Bảo vệ mật khẩu, không cung cấp hoặc để lộ mật khẩu Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

5. Khi có sự cố kỹ thuật xảy ra trên hệ thống, phải ghi nhận lại sự cố và nhanh chóng thông báo với bộ phận phụ trách quản lý Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại cơ quan, tổ chức để được hỗ trợ và xử lý kịp thời.

### **Điều 13. Các đơn vị sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử**

1. Khi luân chuyển văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử, cơ quan, tổ chức đã được cấp chứng thư số hợp lệ bắt buộc phải tích hợp chữ ký số theo quy định tại Khoản 3, Điều 11 nhằm đảm bảo tính an toàn, bảo mật, tin cậy, xác thực của dữ liệu và chịu trách nhiệm về nội dung văn bản điện tử.

2. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong việc quản lý các tài khoản đăng nhập (gồm: tạo mới, xóa, chỉnh sửa...) vào Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của các cá

nhân thuộc cơ quan, tổ chức.

3. Khi có sự thay đổi về nhân sự hoặc chức vụ của cá nhân tại cơ quan, tổ chức:

a) Trường hợp nghỉ việc, về hưu hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác: thực hiện vô hiệu hóa tài khoản người dùng trên hệ thống của đơn vị, đảm bảo cá nhân không đăng nhập và sử dụng được Hệ thống quản lý tài liệu điện tử. Đơn vị lưu ý không xóa tài khoản của cá nhân để tránh trường hợp mất quá trình xử lý của văn bản, công việc;

b) Trường hợp tiếp nhận cá nhân mới: thực hiện tạo mới và phân quyền tài khoản người dùng để đăng nhập vào Hệ thống quản lý tài liệu điện tử;

c) Trường hợp thay đổi chức vụ hoặc vị trí công tác của cá nhân tại cơ quan, tổ chức: thực hiện phân quyền, chỉnh sửa và cập nhật thông tin tài khoản người dùng trên Hệ thống.

4. Trong trường hợp Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại đơn vị xảy ra sự cố bị ngưng hoạt động, đơn vị phải tiến hành xử lý công việc trên giấy hoặc công cụ khác. Đồng thời, cơ quan, tổ chức phải nhanh chóng liên hệ với Sở Thông tin và Truyền thông để được hỗ trợ và xử lý kịp thời. Sau khi sự cố đã được khắc phục, đơn vị phải kiểm tra lại tính ổn định của Hệ thống và thực hiện cập nhật các thông tin đã xử lý vào Hệ thống.

5. Định kỳ hàng ngày sao lưu dữ liệu văn bản tại đơn vị để đảm bảo an toàn, an ninh cho Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

6. Khi triển khai hay sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại đơn vị cần phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện việc liên thông kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh (HCM LGSP).

7. Gửi văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông trong trường hợp cơ quan, tổ chức có nhu cầu cấp mới, bổ sung, hủy bỏ mã định danh.

#### **Điều 14. Công tác đảm bảo an toàn thông tin**

1. Sử dụng Mạng đô thị băng thông rộng của Thành phố (Metronet) hoặc hệ thống từ xa bằng mạng riêng ảo (VPN) để kết nối với máy chủ cài đặt Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của cơ quan, tổ chức tại Trung tâm dữ liệu thành phố trong quá trình cập nhật mã nguồn hoặc sao lưu hệ thống cơ sở dữ liệu.

2. Sử dụng giao thức an toàn HTTPS (TLS 1.0 trở lên) khi gửi, nhận văn bản

điện tử trên hệ thống liên thông.

3. Thực hiện quét, kiểm tra và diệt mã độc cho các văn bản điện tử trước khi phát hành. Đảm bảo tập tin (file) văn bản điện tử an toàn, không bị lây nhiễm hoặc bị nhúng các mã độc.

4. Có các biện pháp tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA HỆ THỐNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ**

### **Điều 15. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố**

Thực hiện tổng hợp, trích xuất thông tin, dữ liệu và báo cáo về tình hình gửi, nhận văn bản điện tử của các đơn vị thông qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của Thành phố cho Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất.

### **Điều 16. Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng, quản lý, vận hành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh (HCM LGSP); thực hiện kết nối với nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia.

2. Chủ trì hướng dẫn các đơn vị về việc sử dụng mã định danh đơn vị, mã định danh văn bản và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các Hệ thống quản lý tài liệu điện tử để gửi, nhận văn bản điện tử; quản lý thống nhất danh sách mã định danh của các đơn vị phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; tổng hợp, cập nhật kịp thời mã định danh cơ quan khi có sự thay đổi về đơn vị hành chính, cơ cấu tổ chức của các đơn vị vào Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các đơn vị trên địa bàn Thành phố.

3. Đảm bảo nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh (HCM LGSP) hoạt động ổn định và liên tục; hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị trong việc kết nối Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của đơn vị với HCM LGSP.

4. Hướng dẫn thủ tục đăng ký chứng thư số cho các đơn vị và cá nhân; hướng dẫn kỹ thuật cho các đơn vị trong việc ứng dụng chữ ký số trong việc phát hành văn

bản điện tử qua mạng.

5. Căn cứ nhu cầu của các đơn vị hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để lập kế hoạch kinh phí cho việc quản lý, xây dựng và duy trì Hệ thống quản lý tài liệu điện tử để trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

6. Thường xuyên theo dõi hoạt động của Hệ thống và tiếp nhận thông tin, thông báo sự cố kỹ thuật từ các đơn vị tham gia vào Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

7. Hỗ trợ các đơn vị xử lý và khắc phục các sự cố về kỹ thuật và lỗi xảy ra trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong thời gian sớm nhất.

8. Phối hợp với cơ quan, tổ chức đề nghị kiểm tra việc thực hiện nhận văn bản từ nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh (HCM LGSP) về đơn vị trong trường hợp các văn bản chưa được tiếp nhận trong thời gian 3 - 4 ngày làm việc.

9. Căn cứ vào kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của các đơn vị hàng năm, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố hình thức khen thưởng hoặc xử lý các vi phạm phù hợp.

### **Điều 17. Các đơn vị tham gia vào Hệ thống quản lý tài liệu điện tử**

1. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, quản lý Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức.

2. Quán triệt và chỉ đạo các cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong tác nghiệp hàng ngày.

3. Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại đơn vị.

4. Thường xuyên theo dõi hiệu quả sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử tại cơ quan, tổ chức. Tổng kết, báo cáo tình hình sử dụng về Sở Thông tin và Truyền thông hàng quý để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Đơn vị thực hiện khi tham gia liên thông gửi nhận văn bản điện tử liên thông phải có bộ phận giám sát trạng thái liên thông văn bản theo Quyết định 28/2018/QĐ-TTg. Nếu văn bản không gửi đến nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh (HCM LGSP) được hoặc đơn vị nhận không phản hồi được trạng thái đã nhận thì đơn vị gửi có trách nhiệm báo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp kiểm

tra xử lý.

6. Liên hệ với Sở Thông tin và Truyền thông khi cần hỗ trợ về kỹ thuật, khắc phục sự cố hoặc hướng dẫn sử dụng, vận hành Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 18. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ và thực hiện Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản trong Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức tham gia vào Hệ thống quản lý tài liệu điện tử có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị.

2. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất kinh phí duy trì hoạt động và vận hành Hệ thống quản lý tài liệu điện tử hàng năm trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo các quy định mới được ban hành./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3812/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
lĩnh vực Trồng trọt, Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2090 /TTr-SNN ngày 18 tháng 10 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 17 thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm 04 thủ tục thay thế; 05 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và 08 thủ tục hành chính bị bãi bỏ (trong đó có 6 thủ tục bãi bỏ do được thay thế).



Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có thứ tự A.III.3, A.III.4, A.III.5, A.II.2, A.II.3, A.II.4, A.III.1, A.III.2, B.1, B.2, B.3, B.4, B.5 ban hành kèm theo Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục thành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT, BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
*(Kèm theo Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>						
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	- Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh)	Không	- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018. - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác. - Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông	1. Trình tự thực hiện Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Bước 2: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét tính đầy đủ, nếu hồ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở.			nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 337/QĐ-SNN ngày 08/9/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện và ký thừa ủy quyền các thủ tục hành chính.	sơ chưa đầy đủ theo quy định, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung. Bước 3: * Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng - Trường hợp Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng tại địa điểm có cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thẩm định, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng.</p> <p>- Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>* Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định. Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ban hành Quyết định phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng. Trường hợp không phục hồi Quyết định phải trả lời bằng</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ký thừa ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền ký thừa ủy quyền).</p>
<b>II. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh)	500.000 đồng	<p>- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.</p> <p>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</p> <p>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-</p>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>Bước 2. Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 4756/QĐ - BNN - BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 337/QĐ-SNN ngày 08/9/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện và ký thừa ủy quyền các thủ tục hành chính.</p>	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, hoàn thiện.</p> <p>Bước 3. Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đạt yêu cầu thực hiện kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón tại tổ chức, cá nhân và lập biên bản kiểm tra.</p> <p>Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>biết tiếp tục hoàn thiện.</p> <p>Trường hợp tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón không đáp ứng điều kiện, phải thực hiện khắc phục, sau khi khắc phục có văn bản thông báo đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để kiểm tra nội dung đã khắc phục. Trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ký thừa ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền ký thừa ủy quyền).</p>
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	<p>- 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).</p> <p>- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng</p>	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh)	200.000 đồng	<p>- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.</p> <p>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</p> <p>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</p>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p>			<p>- Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 337/QĐ-SNN ngày 08/9/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện và ký thừa ủy quyền các thủ tục hành chính.</p>	<p>vật trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, hoàn thiện.</p> <p>- Bước 3: Thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón</p> <p>* Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đạt yêu cầu thực hiện kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón tại tổ chức, cá nhân và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân biết tiếp tục hoàn thiện. Trường hợp tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón không đáp ứng điều kiện, phải thực hiện khắc phục,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>sau khi khắc phục có văn bản thông báo đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để kiểm tra nội dung đã khắc phục. Trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>* Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp lại Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Chi cục trưởng Chi cục Trồng</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>trọt và Bảo vệ thực vật ký thừa ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền ký thừa ủy quyền).</p>
3	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, quận Bình Thạnh)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.</li> <li>- Nghị định số 84/2019 ND-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ Quy định về quản lý phân bón.</li> <li>- Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức</li> </ul>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p> <p>Bước 2. Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.</li> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc,</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 337/QĐ-SNN ngày 08/9/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện và ký thừa ủy quyền các thủ tục hành chính.</p>	<p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, hoàn thiện.</p> <p>Bước 3: Thẩm định và có văn bản xác nhận nội dung quảng cáo</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm định, nếu hồ sơ đáp ứng quy định thì có văn bản xác nhận nội dung quảng cáo. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>Đối với quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện: trước khi tiến hành việc quảng cáo ít nhất 02 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có phân bón đã được cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>phải có văn bản thông báo về hình thức, thời gian và địa điểm quảng cáo kèm theo bản sao giấy xác nhận nội dung quảng cáo cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật nơi tổ chức quảng cáo để thanh tra, kiểm tra trong trường hợp cần thiết.</p> <p>Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ký thừa ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền ký thừa ủy quyền).</p>

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
----	------------------------	---------------------	--------------------	-------------	----------------	---------

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>						
1	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013.</li> <li>- Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt.</li> <li>- Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.</li> <li>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.</li> <li>- Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát</li> </ul>	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>triển nông thôn công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.</p> <p>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	
2	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tường, Phường 6,	600.000 đồng	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng</p>	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quyết của cấp tỉnh)		quận Bình Thạnh)		<p>cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.</li> <li>- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.</li> <li>- Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.</li> <li>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.</li> <li>- Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc.</li> <li>- Thành lập Đoàn đánh giá trong</li> </ul>	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh)	800.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013.</li> <li>- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.</li> <li>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự thực hiện</li> <li>- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</li> <li>- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.</li> <li>Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> <li>- Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>- Thông báo cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.</p> <p>- Cấp Giấy chứng nhận trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>* Trường hợp chưa đạt yêu cầu:</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khác</p>			<p>nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông</p>	<p>Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá</p> <p>Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>- Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở</p> <p>Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.</p> <p>- Bước 6: cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>phục trong vòng 60 ngày.</p> <p>- Cấp Giấy chứng nhận trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.</p>			<p>thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.</p> <p>Trường hợp không cấp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						vật.
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.</li> <li>- Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc.</li> <li>- Thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc.</li> <li>- Thông báo cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh</li> </ul>	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh)	800.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013.</li> <li>- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.</li> <li>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.</li> <li>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.</li> <li>- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử</li> </ul>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn).</li> <li>- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> <li>- Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc.</li> </ul> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.</p> <p>- Cấp Giấy chứng nhận trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>* Trường hợp chưa đạt yêu cầu:</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khác phục trong vòng 60 ngày.</p> <p>- Cấp Giấy chứng nhận trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận</p>			<p>dụng phí, trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>- Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá</p> <p>Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>- Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở</p> <p>Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.</p> <p>- Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>+ Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.				<p>thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.</p> <p>+ Trường hợp không cấp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.</p>
5	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực	24 giờ	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Không	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013.</p> <p>- Thông tư 35/2015/TT-</p>	- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật		(Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh)		BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp. - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. - Quyết định số 3585/QĐ-BNN-KHCN ngày 18/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật,	vật.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Chăn nuôi, Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC TRỒNG TRỌT,  
BẢO VỆ THỰC VẬT**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>		
1	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.</li> <li>- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.</li> <li>- Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul> (Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính).
2	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
3	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây	



	ăn quả lâu năm	
	<b>II. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.</li> <li>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</li> <li>- Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul> <p>(Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón).</p>
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.</li> <li>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</li> <li>- Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul> <p>(Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón).</p>
3	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.</li> <li>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</li> <li>- Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul> <p>(Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón).</p>
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.</li> <li>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</li> <li>- Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông</li> </ul>

	đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.</li> <li>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</li> <li>- Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3813/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực biển và hải đảo  
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước  
của Sở Tài nguyên và Môi trường**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6677/TTr-STNMT-VP ngày 19 tháng 10 năm 2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 10 thủ tục hành chính gồm 06 thủ tục hành chính mới, 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity>.

gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có thứ tự II.1, II.2, II.3 và II.4 tại Danh mục thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 4052/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 3813/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

**A1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực biển và hải đảo</b>						
01	Công nhận khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn thẩm định: Mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian lấy ý kiến: Mười lăm (15) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến).</li> <li>- Thời gian kiểm tra</li> </ul>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</li> <li>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải</li> </ul>	<p>1. Điều chỉnh bước 1 Trình tự thực hiện như sau:</p> <p>Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Sở Tài nguyên và Môi trường. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số</p>

	<p>thực địa: Mười (10) ngày làm việc. (Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)</p> <p>- Trình và giải quyết hồ sơ: + Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc. + Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc.</p>		<p>đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>11/2021/NĐ-CP. 2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>
--	--	--	--	---

**A2. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực biển và hải đảo</b>						
1	Công nhận khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn thẩm định: Mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian lấy ý kiến: Mười lăm (15) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến).</li> <li>- Thời gian kiểm tra thực địa: Mười (10) ngày làm việc. (Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)</li> <li>- Trình và giải quyết hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc.</li> <li>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc.</li> </ul> </li> <li>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc.</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</li> <li>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Điều chỉnh bước 1 Trình tự thực hiện như sau: Cá nhân Việt Nam đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ</li> <li>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ.</li> </ul> </li> </ol>

2	Giao khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn thẩm định: Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian lấy ý kiến: Mười lăm (15) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến).</li> <li>- Thời gian kiểm tra thực địa: Mười (10) ngày làm việc. (Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)</li> <li>- Trình và giải quyết hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc.</li> <li>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc.</li> </ul> </li> <li>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc.</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</li> <li>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Điều chỉnh bước 1 Trình tự thực hiện như sau: Cá nhân Việt Nam đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ</li> <li>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ.</li> </ul> </li> </ol>
3	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn thẩm định: Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Điều chỉnh bước 1 Trình tự thực hiện như sau: Cá nhân đề nghị gia hạn</li> </ol>



		<p>nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian lấy ý kiến: Mười lăm (15) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến).</li> <li>- Thời gian kiểm tra thực địa: Mười (10) ngày làm việc.</li> </ul> <p>(Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình và giải quyết hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc.</li> <li>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc.</li> </ul> </li> <li>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc.</li> </ul>	Cần Giờ		<p>vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>	<p>thời hạn giao khu vực biển nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ.</li> </ul>
4	Trả lại khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn thẩm định: Hai mươi (20) ngày làm việc đối với đề nghị trả lại một phần khu vực biển hoặc mười lăm (15) ngày làm việc đối với đề nghị trả lại toàn bộ khu vực biển, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ	Khôn g	<p>Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3</li> </ul>	<p>1. Điều chỉnh bước 1 Trình tự thực hiện như sau:</p> <p>Cá nhân đề nghị trả lại khu vực biển nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian lấy ý kiến: Mười lăm (15) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến).</li> <li>- Thời gian kiểm tra thực địa: Mười (10) ngày làm việc.</li> <li>(Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)</li> <li>- Trình và giải quyết hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc.</li> <li>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc.</li> </ul> </li> <li>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc.</li> </ul>			<p>năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ.</li> </ul>
5	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn thẩm định: Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian lấy ý kiến: Mười lăm (15) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến).</li> <li>- Thời gian kiểm tra thực địa: Mười (10) ngày làm việc.</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ	Khôn g	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</li> <li>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Điều chỉnh bước 1 Trình tự thực hiện như sau: Cá nhân sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ</li> <li>2. Cơ quan thực hiện thủ</li> </ol>

	<p>(Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)</p> <p>- Trình và giải quyết hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc.</p>			<p>việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ.</p>
--	--	--	--	---	--

**B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực biển và hải đảo</b>						
01	Giao khu vực biển	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thẩm định: Bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian lấy ý kiến: Mười lăm (15) ngày làm việc (kể từ ngày nhận</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	<p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</p> <p>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài</p>	<p>1. Điều chỉnh bước 1 Trình tự thực hiện như sau:</p> <p>Tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Tài nguyên và Môi trường. Cơ quan tiếp</p>

		<p>được văn bản xin ý kiến).</p> <p>- Thời gian kiểm tra thực địa: Mười (10) ngày làm việc.</p> <p>(Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)</p> <p>- Trình và giải quyết hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc.</p>		<p>nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường</p>
02	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thẩm định: Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không	<p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác,</p> <p>1. Điều chỉnh bước 1 Trình tự thực hiện như sau:</p> <p>Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ</p>

		<p>lệ.</p> <p>Thời gian lấy ý kiến: Mười lăm (15) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến).</p> <p>- Thời gian kiểm tra thực địa: Mười (10) ngày làm việc.</p> <p>(Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)</p> <p>- Trình và giải quyết hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc.</p>			<p>sử dụng tài nguyên biển;</p> <p>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Tài nguyên và Môi trường. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>
03	Trả lại khu vực biển	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc.	Sở Tài nguyên và Môi	Không	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu	1. Điều chỉnh bước 1 Trình tự thực hiện như sau:

		<p>- Thời hạn thẩm định: Hai mươi (20) ngày làm việc đối với đề nghị trả lại một phần khu vực biển hoặc mười lăm (15) ngày làm việc đối với đề nghị trả lại toàn bộ khu vực biển, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian lấy ý kiến: Mười lăm (15) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến).</p> <p>- Thời gian kiểm tra thực địa: Mười (10) ngày làm việc.</p> <p>(Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)</p> <p>- Trình và giải quyết hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc.</p>	trường.		<p>vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</p> <p>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Tài nguyên và Môi trường. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường</p>
--	--	---	---------	--	---	--

		-Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc.				
4	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thẩm định: Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian lấy ý kiến: Mười lăm (15) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến).</p> <p>- Thời gian kiểm tra thực địa: Mười (10) ngày làm việc.</p> <p>(Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)</p> <p>- Trình và giải quyết hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không	<p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</p> <p>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>1. Điều chỉnh bước 1 Trình tự thực hiện như sau:</p> <p>Tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Tài nguyên và Môi trường. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường</p>

		<p>quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc.</p>				
--	--	---	--	--	--	--

**C. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>Lĩnh vực biển, đảo</b>			
1	T-HCM-273047-TT	Thủ tục giao khu vực biển	Bãi bỏ do được thay thế bằng các thủ tục ban hành kèm theo Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	T-HCM-273048-TT	Thủ tục gia hạn quyết định giao khu vực biển	
3	T-HCM-273049-TT	Thủ tục sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	
4	T-HCM-273050-TT	Thủ tục trả lại khu vực biển	



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3814/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
các lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đầu tư tại Việt Nam  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 8032/TTr-SKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 23 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư gồm:

- 01 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;
- 22 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố cho:

- Các thủ tục có thứ tự A.I.1, A.I.2, A.I.3, A.I.4, A.I.5, A.I.6, A.I.7, A.I.8, A.I.9, A.I.10, A.I.11, A.I.12, A.I.13, A.I.14, A.I.15, A.I.16, A.I.17, A.I.18, A.I.19, A.I.20, A.I.21, A.I.22, A.I.23, A.I.24, A.I.25 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Các thủ tục có thứ tự A.II.02, B.IV.01, B.IV.02 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định 3510/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ,  
ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định 3814/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**A. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư</b>						
1	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	40 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu năm 2013;</li> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.</li> <li>- Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.</li> </ul>	<b>Điều chỉnh Cơ quan thực hiện TTHC</b> từ “Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất” theo quy định tại mục b khoản 3 Điều 12 Nghị định 25/2020/NĐ-CP

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Quyết định số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	

**B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam</b>						
1	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	25 ngày thẩm định + 07 ngày làm việc để Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
2	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	25 ngày thẩm định + 07 ngày làm việc để UBND Thành phố quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>	
3	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư	25 ngày thẩm định + 07 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</li> </ul>	<b>Điều chỉnh thành phần hồ sơ:</b>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	của UBND cấp tỉnh	làm việc để UBND Thành phố quyết định	Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)		<p>ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</p> <p>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	<p>- Bỏ nội dung “<i>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư</i>” tại Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất và Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập do chỉ áp dụng đối với trường hợp chủ trương thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội (tại khoản 2 Điều 52 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Luật 62/2020/QH14)</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>- Sửa nội dung “<i>Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm</i>” thành “<i>Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm (chỉ áp dụng cho các cơ quan quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)</i>”</p> <p>- Bổ sung thêm thành phần hồ sơ đối với trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư 2020 như sau:  “+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p><i>chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận (Mẫu A.I.1);</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><i>+ Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</i></li> <li><i>+ Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</i></li> <li><i>+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn</i></li> </ul>



STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p><i>đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (Mẫu A.I.3).</i></p> <p>+ Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</p> <p>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>BCC;</p> <p>+ Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, ngoài các nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung các nội dung: thuyết minh việc triển khai dự án đầu tư đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án. Đối với các dự án đầu tư xây dựng còn lại thì bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có);</p> <p>- Tài liệu, giấy tờ giải trình đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 33 Luật Đầu tư gồm:</p> <p>+ Tài liệu chứng minh dự án không thuộc Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; bản sao hợp lệ Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư;</p> <p>+ Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm để thực</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>hiện dự án đầu tư trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư”.</i>
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	25 ngày thẩm định + 07 ngày làm việc để Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;	<b>Điều chỉnh Kết quả thủ tục hành chính</b> thành Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu A.II.2 hoặc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu A.II.4 ban hành kèm

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	- 03 ngày làm việc: thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên	Sở Kế hoạch và Đầu tư (32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;  - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;  - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	<b>1. Bổ sung Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b> Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.  <b>2. Điều chỉnh Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:</b> Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhà đầu tư hay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư - 10 ngày: đối với trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm	25 ngày thẩm định + 07 ngày làm việc để Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra	<b>Điều chỉnh Kết quả thủ tục hành chính</b> thành " <i>Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.6 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT</i> ".

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh				nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	25 ngày thẩm định + 07 ngày làm việc để Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	



STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	25 ngày thẩm định + 07 ngày làm việc để Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>	<b>Điều chỉnh Kết quả thủ tục hành chính</b> thành <i>Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 hoặc Mẫu A.II.4 trong trường hợp Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT</i> ”.
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp	25 ngày thẩm định + 07 ngày làm việc để Ủy ban	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> </ul>	<b>Điều chỉnh Kết quả thủ tục hành chính</b> thành <i>Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận điều chỉnh</i>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	nhân dân Thành phố quyết định	Bến Nghé, Quận 1)		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>	<i>chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 hoặc Mẫu A.II.4 trong trường hợp Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT</i>
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm	25 ngày thẩm định + 07 ngày làm việc để Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và</li> </ul>	<b>Điều chỉnh Kết quả thủ tục hành chính</b> thành "Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 hoặc Mẫu A.II.4 trong trường hợp Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư ban hành kèm theo

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh				Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	<i>Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT”.</i>
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	25 ngày thẩm định + 07 ngày làm việc để Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>	<b>Điều chỉnh Kết quả thủ tục hành chính thành “Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 hoặc Mẫu A.II.4 trong trường hợp Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT”.</b>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	12 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>	<b>Điều chỉnh Kết quả thủ tục hành chính</b> thành " <i>Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 hoặc Mẫu A.II.4 trong trường hợp Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT</i> ".
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp	05 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và</li> </ul>	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)				Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc	15 ngày thẩm định + 03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư (32 Lê Thánh Tôn,	Không	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy	<b>Bổ sung Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:</b> “Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, trong

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	để Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định	Phường Bến Nghé, Quận 1)		định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;  - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;  - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	<i>thời hạn tối thiểu 06 tháng trước khi hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Nghị định 31/2021/NĐ-CP”</i>
15	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và	05 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Đầu tư năm 2020;  - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;  - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra	<b>1. Bỏ mẫu A.II.15 tại Kết quả thực hiện thủ tục hành chính.</b> <b>2. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:</b>  + Điều chỉnh gạch đầu dòng thứ 2 mục 1 - “ <i>Tổng thời gian... quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định số</i>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	31/2021/NĐ-CP” (giữ nguyên theo quy định). + Bổ sung nội dung “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định, nhà đầu tư gửi thông báo cho Cơ quan đăng ký đầu tư”
16	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	10 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	<b>1. Điều chỉnh Bước 1 của Trình tự thực hiện:</b> Bước 1: Nhà đầu tư ... theo các điều kiện quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp hoặc hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư. <b>2. Điều chỉnh mục c - Thành phần hồ sơ:</b> + Đối với trường hợp tự quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p><i>của Luật Đầu tư: Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.</i></p> <p>+ <i>Đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo các điều kiện quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp hoặc hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><i>* Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư;</i></li> <li><i>* Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).</i></li> <li><i>* Tài liệu ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư (nếu thuộc trường hợp quy định tại các điểm b và c khoản 1</i></li> </ul>



STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>Điều 48 của Luật Đầu tư).</p> <p><b>3. Điều chỉnh Thời hạn giải quyết và Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục như sau:</b></p> <p>+ Chuyển nội dung “Trong thời hạn 15 ngày... cho Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại thời hạn giải quyết qua Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục.</p> <p><b>4. Điều chỉnh Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:</b></p> <p>Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư</p>
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện	15 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé,	Không	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;	<b>1. Điều chỉnh gạch đầu dòng thứ nhất Đối tượng thực hiện thủ tục:</b> - Nhà đầu tư trong nước, Tổ chức kinh tế có vốn

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chấp thuận chủ trương đầu tư		Quận 1)		<p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</p> <p>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	<p>đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Đầu tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p><b>2. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b></p> <p>+ Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu <b>A.I.1</b> ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT</p> <p><b>3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:</b></p> <p>+ Dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>+ Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>+ Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư.</p> <p>+ Trường hợp nhà đầu</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư.
18	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	<p>- 05 ngày làm việc đối với hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với hồ sơ hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<p>- Luật Đầu tư năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</p> <p>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	<p><b>1. Điều chỉnh Trình tự thực hiện:</b></p> <p>+ Bước 1: Nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư theo thẩm quyền;</p> <p>+ Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p><b>2. Điều chỉnh Thành phần hồ sơ:</b></p> <p>+ Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>+ Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						tur. <b>3. Điều chỉnh gạch đầu dòng thứ 1 của Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:</b> “ <i>Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chưa chính xác so với thông tin đăng ký tại hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư</i> ”.
19	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu</li> </ul>	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
20	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	15 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư (32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>	<p><b>Bổ sung Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:</b></p> <p>+ Tổ chức, cá nhân nước ngoài nhận cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế đã thành lập tại Việt Nam thông qua hợp đồng trao đổi, tặng cho, hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật hoặc thông qua việc thừa kế.</p>
21	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của	15 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy</li> </ul>	<b>Điều chỉnh Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Nhà đầu tư nước

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)		<p>định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>	ngoài trong hợp đồng BCC.
22	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;</li> </ul>	<p><b>1. Điều chỉnh Thời hạn giải quyết và Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục như sau:</b> chuyển nội dung “<i>Trong thời hạn 07 ngày làm việc ... nơi đặt văn phòng điều hành</i>” qua Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục.</p> <p><b>2. Điều chỉnh Đối</b></p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	<b>tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng